

YÊU CẦU ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO LUẬT TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO LUẬT Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Vũ Thị Hồng Vân¹

Email: mayhong.vkstc@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1023

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối và các nền tảng giao dịch điện tử, đang làm thay đổi căn bản phương thức vận hành của đời sống pháp lý, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với đào tạo nhân lực pháp luật. Tại Việt Nam, đào tạo luật đại học đứng trước nhu cầu cấp thiết phải chuyển đổi để bảo đảm năng lực hội nhập, đáp ứng yêu cầu của môi trường số và sự phát triển của nền kinh tế số. Bài viết phân tích tác động của kỷ nguyên số đối với công tác đào tạo luật tại các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam; đánh giá các kết quả, hạn chế hiện nay từ đó, đề xuất năm yêu cầu đổi mới trọng tâm: (i) đổi mới triết lý đào tạo theo hướng năng lực số và tư duy liên ngành; (ii) tái cấu trúc chương trình, bổ sung các học phần về pháp luật công nghệ, dữ liệu và đạo đức số; (iii) đổi mới phương pháp giảng dạy dựa trên trải nghiệm, mô phỏng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); (iv) phát triển kỹ năng thực hành pháp lý số thông qua gắn kết doanh nghiệp công nghệ pháp lý (LegalTech) và các thiết chế tư pháp điện tử và (v) đổi mới đối với đội ngũ giảng viên Luật. Những yêu cầu này nhằm góp phần xây dựng mô hình đào tạo luật hiện đại, thích ứng với chiến lược chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao.

Từ khóa: đào tạo luật, chuyển đổi số, pháp lý số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ pháp lý, kỹ năng pháp lý, mô phỏng tư pháp, chương trình đào tạo

I. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm biến đổi sâu sắc cấu trúc vận hành của pháp luật và hoạt động hành nghề luật. Sự dịch chuyển của các quan

hệ xã hội từ không gian vật lý sang không gian số đặt ra nhiều vấn đề pháp lý mới, vượt ra ngoài khuôn khổ tư duy pháp luật truyền thống, buộc các thiết chế pháp lý và hệ thống đào tạo luật phải thích ứng

¹ Trường Đại học Thủ Dầu Một Thành phố Hồ Chí Minh

kip thời. Trong bối cảnh đó, đào tạo luật tại Việt Nam đứng trước yêu cầu đổi mới mang tính tất yếu và toàn diện. Người học luật không chỉ cần nắm vững hệ thống quy phạm pháp luật, mà còn phải có tư duy hệ thống, năng lực liên ngành, hiểu biết về công nghệ và ý thức đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số. Việc nhận diện đúng yêu cầu đổi mới và tái cấu trúc công tác đào tạo luật vì vậy trở thành nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở đào tạo luật hiện nay. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, bài viết làm rõ các yêu cầu đặt ra đối với đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên số ở Việt Nam, qua đó đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng thích ứng của nguồn nhân lực pháp lý trong bối cảnh mới.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài viết được xây dựng trên nền tảng tích hợp giữa lý thuyết kết nối do George Siemens đề xuất năm 2005 và lý thuyết giáo dục dựa trên năng lực, qua đó hình thành khung lý luận cho các đề xuất cải cách chương trình đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số. Theo lý thuyết kết nối, trong môi trường số hóa, tri thức pháp lý không còn tồn tại như một hệ thống khép kín gắn với văn bản quy phạm pháp luật hay được truyền thụ tuyến tính theo mô hình đào tạo truyền thống, mà được phân tán và vận hành trong các mạng lưới kết nối, bao gồm cơ sở dữ liệu pháp luật, nền tảng công nghệ số và cộng đồng hành nghề pháp lý. Do đó, năng lực cốt lõi của người học luật không chỉ được đo lường bằng mức độ tích lũy tri thức (know-what), mà ngày càng phụ thuộc vào khả năng xác định nguồn thông tin phù hợp (know-where) và năng lực kết nối, xử lý, vận dụng tri thức để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn (know-how). Cách

tiếp cận này tạo cơ sở khoa học cho việc chuyển dịch từ mô hình đào tạo thiên về truyền thụ kiến thức sang mô hình đào tạo chú trọng phát triển năng lực khai thác và xử lý dữ liệu pháp lý trong môi trường số.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu vận dụng lý thuyết giáo dục dựa trên năng lực (CBE) để tái định nghĩa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo luật. Trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực nghề nghiệp của luật gia không chỉ giới hạn ở kiến thức, kỹ năng và thái độ, mà cần được mở rộng với năng lực số như một cấu phần bắt buộc. Theo khung năng lực số DigComp 2.2 của Liên minh châu Âu, năng lực này bao gồm khả năng khai thác và quản trị dữ liệu, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, cũng như khả năng thích ứng và sáng tạo trong môi trường số. Việc bổ sung năng lực số vào chuẩn đầu ra không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn trực tiếp định hướng cho việc thiết kế lại chương trình đào tạo và phương thức đánh giá năng lực người học.

Trong bối cảnh rộng hơn, kỷ nguyên số đang làm thay đổi căn bản cấu trúc vận hành của hệ thống pháp luật và hoạt động đào tạo luật. Sự phát triển của AI, dữ liệu lớn, blockchain và hợp đồng thông minh đang hình thành một hệ sinh thái pháp lý mới, trong đó pháp luật dần dịch chuyển từ không gian văn bản sang không gian dữ liệu và thuật toán. Các hiện tượng như hợp đồng điện tử, chứng cứ điện tử, danh tính số hay trợ lý pháp lý ảo ngày càng phổ biến, đặt ra yêu cầu cấp thiết về khả năng thích ứng của đội ngũ làm luật, hành nghề luật và giảng dạy luật. Trong bối cảnh đó, các lý thuyết đổi mới giáo dục đại học trong kỷ nguyên 4.0 nhấn mạnh việc phát triển năng lực số, tư duy hệ thống, tư duy liên ngành và đạo đức số như những chuẩn mực nghề nghiệp mới, qua đó tái định vị

vai trò của giảng viên luật từ người truyền đạt tri thức sang chủ thể kiến tạo và dẫn dắt năng lực cho người học.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp một số phương pháp chính để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn: (i) *Phương pháp phân tích văn bản*, theo đó, bài viết tập trung phân tích các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách như Nghị quyết 52-NQ/TW, và đặc biệt là Quyết định 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật, để xác định các khoảng trống giữa quy định hiện hành và yêu cầu thực tế nhằm thiết lập cơ sở pháp lý và chiến lược cho sự đổi mới; (ii) *Phương pháp so sánh và đối chiếu*: Đối chiếu thực trạng đào tạo luật ở Việt Nam với mô hình tiên tiến quốc tế (như Trường Luật thuộc Đại học Stanford và Đại học quản lý Singgarpo) để rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất yêu cầu đổi mới; (iii) *Phương pháp quan sát thực tiễn*, bài báo tổng hợp các quan sát từ thực tiễn giảng dạy và phản hồi của sinh viên, giảng viên tại các hội thảo khoa học gần đây để đánh giá tính khả thi của các giải pháp công nghệ; (iv) *Phương pháp dự báo xu hướng*, dự báo các yêu cầu nghề nghiệp và mô hình đào tạo luật trong tương lai, dựa trên sự phát triển của LegalTech và chuyển đổi số quốc gia.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn của các kết quả nghiên cứu

4.1.1. Cơ sở khoa học

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đang làm thay đổi căn bản đối tượng điều chỉnh của pháp luật. Các công nghệ như AI, blockchain và hợp đồng thông minh đã tạo ra nhiều dạng

thức giao dịch và vấn đề pháp lý mới liên quan đến danh tính số, tài sản số, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân, những lĩnh vực chưa được điều chỉnh đầy đủ bởi pháp luật truyền thống. Điều này đặt ra yêu cầu khoa học pháp lý phải vượt ra ngoài việc giải thích và áp dụng pháp luật hiện hành, để chủ động nghiên cứu và kiến tạo các nguyên tắc, quy phạm pháp luật phù hợp với các quan hệ xã hội mới phát sinh. Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tư pháp và hành nghề luật đang trở thành xu hướng toàn cầu. Các công cụ phân tích dữ liệu pháp lý được sử dụng để khai thác án lệ, nhận diện khuynh hướng xét xử và dự báo sự vận động của pháp luật, qua đó đặt ra yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực pháp lý có tư duy dựa trên dữ liệu, biết khai thác và diễn giải thông tin pháp lý trong môi trường số nhằm nâng cao chất lượng lập luận và ra quyết định pháp lý.

Từ góc độ giáo dục, đổi mới đào tạo luật là yêu cầu tất yếu, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Việc cập nhật chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và khung năng lực giảng viên theo các mô hình hiện đại, gắn với LegalTech và AI, không chỉ bảo đảm tính cập nhật của tri thức pháp lý mà còn nâng cao năng lực hội nhập của giáo dục luật Việt Nam. Đặc biệt, các phương pháp học qua hành và mô phỏng số, như phiên tòa mô phỏng trực tuyến và tình huống pháp lý số hóa, đã được chứng minh có cơ sở khoa học trong việc phát triển năng lực ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện của người học, góp phần hình thành đội ngũ luật gia có khả năng thích ứng hiệu quả trong bối cảnh pháp lý số hóa.

4.1.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của việc đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên số thể hiện rõ cả tính khả thi và tính cấp thiết của các đề xuất đặt ra. Yêu cầu đổi mới này gắn chặt với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số, tiêu biểu như Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chiến lược phát triển giáo dục luật giai đoạn 2021-2030 và Đề án phát triển nhân lực số của ngành Tư pháp. Hệ thống văn bản này đã tạo lập hành lang pháp lý, chiến lược quan trọng, định hướng thống nhất cho các cơ sở đào tạo luật triển khai chuyển đổi số một cách bền vững.

Thành tựu đạt được

Trong hơn ba thập kỷ đổi mới, giáo dục pháp luật Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể về quy mô và chất lượng đào tạo. Hệ thống các trường đại học, học viện và cơ sở nghiên cứu pháp lý không ngừng mở rộng, với chương trình đào tạo ngày càng đa dạng, bao quát cả các lĩnh vực truyền thống và các chuyên ngành mới gắn với kinh tế số như pháp luật thương mại điện tử, tài chính công nghệ và sở hữu trí tuệ trong môi trường mạng (MEAT&MJ, 2022). Nhiều cơ sở đào tạo đã chủ động ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý, triển khai học liệu điện tử, thư viện pháp lý số, nền tảng học trực tuyến và các học phần liên quan đến AI, blockchain và pháp luật dữ liệu cá nhân.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các phiên tòa mô phỏng trực tuyến và các hoạt động thực hành số đã góp phần nâng cao kỹ năng lập luận, biện luận và thích ứng nghề nghiệp cho người học (Nguyễn, 2024), qua đó khẳng định tính khả thi của việc

ứng dụng công nghệ trong đào tạo luật tại Việt Nam. Đồng thời, sự hình thành của các doanh nghiệp LegalTech và thiết chế tư pháp điện tử trong nước cũng mở ra cơ hội thực tập và phát triển kỹ năng thực hành pháp lý số cho sinh viên luật.

Hạn chế và thách thức

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, công tác đào tạo luật vẫn bộc lộ không ít hạn chế trước làn sóng chuyển đổi số toàn cầu. *Chương trình đào tạo* hiện nay vẫn chủ yếu mang tính truyền thống, thiên về lý thuyết và học thuộc văn bản pháp luật, thiếu sự tích hợp giữa kiến thức pháp lý và công nghệ. Các học phần về pháp luật công nghệ, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo hay blockchain còn rời rạc, chủ yếu ở dạng tự chọn, chưa trở thành cấu phần bắt buộc (Phạm, 2025); trong khi các mô hình đồng giảng giữa giảng viên luật và chuyên gia công nghệ chưa được triển khai phổ biến. Thực tiễn rà soát chương trình đào tạo của một số cơ sở lớn năm 2024 cho thấy tỷ lệ học phần liên quan đến LegalTech, AI và dữ liệu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng thời lượng đào tạo, đồng thời nhiều chuẩn đầu ra về kỹ năng số theo quy định hiện hành chưa được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết.

Về *phương pháp giảng dạy*, cách tiếp cận “giảng - chép” vẫn chiếm ưu thế, hạn chế cơ hội tương tác, phản biện và thực hành của người học. Sinh viên ít được tiếp cận hồ sơ điện tử, tình huống pháp lý dựa trên dữ liệu lớn hoặc tranh chấp phát sinh từ giao dịch số, trong khi các bài tập tình huống vẫn chủ yếu xoay quanh các vụ việc pháp luật truyền thống. *Kỹ năng thực hành* nghề luật vì vậy chưa đáp ứng yêu cầu của môi trường hành nghề số. *Đội ngũ giảng viên* giữ vai trò then chốt nhưng cũng là điểm nghẽn của quá trình

chuyển đổi. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu và giảng dạy còn hạn chế, hoạt động đồng giảng với luật sư và chuyên gia LegalTech chưa được thể chế hóa. Khoảng cách thể chế và năng lực số nếu không được thu hẹp kịp thời sẽ tiếp tục làm chậm tiến trình đổi mới đào tạo luật trong bối cảnh số hóa (Bassan, 2024).

Những hạn chế trên xuất phát từ những nguyên nhân *khách quan* như: khung thể chế về chuyển đổi số trong giáo dục và pháp luật vẫn chưa hoàn thiện; các quy định về công nhận học liệu điện tử, đánh giá trực tuyến, chứng chỉ số cho giảng viên... chưa đồng bộ (MEAT&MJ, 2022). Về chủ quan, nhiều cơ sở vẫn vận hành theo mô hình truyền thống, thiếu chiến lược dài hạn về phát triển năng lực số, đầu tư hạ tầng công nghệ và liên kết với các doanh nghiệp LegalTech. *Cơ sở hạ tầng* số tại các trường, như máy chủ, nền tảng học liệu mở, thư viện số và cơ sở dữ liệu pháp luật trực tuyến, vẫn còn hạn chế. Khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu thực tiễn hành nghề luật khiến sinh viên sau khi ra trường mất nhiều thời gian thích nghi, giảm sức cạnh tranh của nguồn nhân lực pháp lý Việt Nam (Zhuk, 2025). Nguồn lực tài chính hạn chế khiến khó đồng bộ hóa học liệu số, nền tảng dạy học trực tuyến và nghiên cứu liên ngành (Nguyễn, 2024). Bên cạnh đó, tư duy đào tạo còn thiên về “đầu vào”, coi trọng truyền đạt kiến thức hơn năng lực thực hành, tư duy pháp lý và kỹ năng công nghệ (Lê, 2023).

4.2. Nội dung yêu cầu đổi mới công tác đào tạo Luật tại các cơ sở đào tạo Luật trong kỷ nguyên số tại Việt Nam

4.2.1. Yêu cầu đổi mới mục tiêu và triết lý đào tạo luật

Trong kỷ nguyên số, khi xã hội vận hành dựa trên dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và

các công nghệ số, bản chất của nghề luật không còn giới hạn ở việc hiểu và áp dụng các quy phạm hiện hành, mà mở rộng sang năng lực nhận diện, dự báo và định hình các quan hệ pháp lý mới phát sinh từ môi trường số. Định hướng này phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực luật học có khả năng thích ứng với Cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế số và xã hội số (MEAT&MJ, 2022).

Theo đó, mục tiêu đào tạo luật tại Việt Nam cần được chuyển dịch từ đào tạo người “thuộc luật” sang đào tạo chủ thể có tư duy đổi mới, khả năng thích ứng và năng lực dẫn dắt trong hệ sinh thái pháp lý số. Triết lý đào tạo luật cần được định vị ở tầm chiến lược với quan điểm “học luật để quản trị sự thay đổi của xã hội số”, thay vì chỉ áp dụng pháp luật trong bối cảnh truyền thống. Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng khẳng định giáo dục pháp luật phải đi trước một bước, chuẩn bị đội ngũ nhân lực pháp lý có năng lực số, tinh thần đổi mới và khả năng dự báo rủi ro pháp lý trong môi trường số hóa (CECCPV, 2019). Trên cơ sở đó, sinh viên luật không chỉ được trang bị kiến thức pháp luật, mà còn phải hình thành tư duy của nhà đổi mới pháp lý, có khả năng tích hợp pháp luật với công nghệ, đạo đức nghề nghiệp (EL, 2020; MJ, 2022) và kỹ năng thực hành, hướng tới hình mẫu “luật gia - công dân toàn cầu số”, đáp ứng yêu cầu hành nghề trong nước và hội nhập thị trường pháp lý khu vực, quốc tế (ALA, 2021).

4.2.2. Yêu cầu đổi mới nội dung chương trình đào tạo

Nội dung chương trình đào tạo luật cần được thiết kế theo hướng tích hợp liên ngành và ứng dụng công nghệ, nhằm trang bị cho người học không chỉ kiến thức pháp

lý mà còn năng lực thích ứng, tư duy phản biện, khả năng dự báo và sáng tạo pháp lý trong môi trường số hóa. Theo đó, giáo dục luật phải hướng tới việc giúp sinh viên có khả năng phân tích, vận hành và kiến tạo pháp luật trong không gian số. Việc đổi mới nội dung chương trình cần tuân thủ Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 về Chuẩn chương trình đào tạo, bảo đảm khối lượng kiến thức cốt lõi, đồng thời tránh mở rộng dàn trải các học phần mới gây quá tải tín chỉ.

Thay vì thiết kế nhiều môn học riêng biệt về công nghệ, chương trình đào tạo cần ưu tiên tích hợp nội dung số vào các môn học truyền thống, như giảng dạy hợp đồng thông minh trong Luật Dân sự hoặc chứng cứ điện tử trong Luật Tố tụng. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm chuẩn chương trình, vừa nâng cao tính cập nhật và thực tiễn mà không kéo dài thời gian đào tạo. Song song với lý thuyết, cần tăng cường các học phần thực hành và mô phỏng số như tòa án điện tử, thương mại điện tử, giải quyết tranh chấp trực tuyến và pháp luật dữ liệu, giúp sinh viên trực tiếp trải nghiệm các tình huống pháp lý số và hình thành kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu (Phạm, 2025).

Học tập theo mô hình liên ngành và tham khảo quốc tế là một xu hướng tất yếu. Các nước phát triển như Trường Luật thuộc Đại học Stanford tại Hoa Kỳ đưa vào khóa học về LegalTech và AI, nơi sinh viên học cách ứng dụng công cụ AI để phân tích hồ sơ và dự báo xu hướng pháp lý. Tại Singapore, các trường luật kết hợp chặt chẽ với thực tiễn hành nghề, cơ quan chính phủ và doanh nghiệp LegalTech để sinh viên tham gia các dự án trực tuyến thực tế. Những mô hình này cho thấy rằng, giúp sinh viên không chỉ

nắm luật mà còn hiểu hệ sinh thái vận hành của luật trong môi trường toàn cầu hóa (SMU, 2023).

4.2.3. Yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá

Lớp học luật cần được chuyển hóa thành không gian phản biện, sáng tạo và mô phỏng pháp lý, khuyến khích sinh viên tích hợp kiến thức pháp luật với công nghệ và bối cảnh thực tiễn (MEAT&MJ, 2022). Việc ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, mô phỏng số, thực tế ảo và trò chơi hóa cần được đẩy mạnh trong giảng dạy. Các hình thức như phiên tòa mô phỏng trực tuyến, phòng xử án ảo hay mô hình “học qua hành” và “phòng thực hành luật trực tuyến” giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lập luận, phản biện và ra quyết định dựa trên dữ liệu, đồng thời tiếp cận sớm môi trường hành nghề số. Cách tiếp cận này tạo vòng phản hồi liên tục giữa người học và giảng viên, góp phần nâng cao năng lực tự học và kỹ năng nghề nghiệp (Phạm, 2025).

Cách thức kiểm tra, đánh giá cũng cần được chuyển từ thi viết truyền thống sang đánh giá dựa trên năng lực thực hành và sản phẩm học tập. Các nhiệm vụ như xây dựng hợp đồng thông minh, mô phỏng giải quyết tranh chấp trực tuyến hoặc đề xuất giải pháp pháp lý cho quản trị dữ liệu cho phép đánh giá thực chất năng lực và khơi dậy tư duy sáng tạo của sinh viên (OECD, 2023). Trong mô hình này, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức mà trở thành nhà thiết kế học tập và người kiến tạo môi trường học tập số, phù hợp với định hướng của Chiến lược phát triển giáo dục luật 2021-2030 và các kinh nghiệm quốc tế về đào tạo luật trong kỷ nguyên số (STS, 2024).

4.2.4. Yêu cầu đổi mới về kỹ năng thực hành

Trong môi trường hành nghề luật số, kỹ năng thực hành của người học luật không còn giới hạn ở các kỹ năng truyền thống như lập luận, soạn thảo hay tư vấn pháp lý, mà phải được mở rộng sang kỹ năng số và tư duy dữ liệu - những yếu tố then chốt để vận hành pháp luật hiệu quả trong bối cảnh số hóa (MEAT&MJ, 2022). Việc tích hợp LegalTech, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu vào đào tạo luật đã trở thành xu hướng phổ biến tại nhiều quốc gia (OECD, 2023), thông qua mô hình học tập gắn với thực hành tại các tổ chức LegalTech, tòa án điện tử và thiết chế tư pháp số (OECD, 2022).

Các kỹ năng cốt lõi cần được phát triển bao gồm: (i) kỹ năng tra cứu, phân tích và dự báo dữ liệu pháp lý số thông qua các công cụ AI và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nhằm nâng cao chất lượng quyết định pháp lý (Phạm, 2025; (ii) kỹ năng thiết kế và vận hành các quy trình pháp lý tự động hóa, hỗ trợ soạn thảo hợp đồng, quản lý hồ sơ và tương tác với hợp đồng thông minh; (iii) kỹ năng sử dụng các công cụ hành nghề số như hệ thống tòa án điện tử, nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến và ứng dụng pháp lý blockchain; (iv) kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong môi trường số, đặc biệt đối với các vụ việc xuyên biên giới; và (v) kỹ năng bảo mật và đạo đức dữ liệu, bảo đảm hành nghề an toàn, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Những kỹ năng này cần được lồng ghép xuyên suốt trong các môn học lý luận và chuyên ngành luật, thay vì chỉ tập trung ở các học phần kỹ năng, nhằm hình thành tư duy pháp lý tích hợp giữa pháp luật, công nghệ

và thực hành. Khi sinh viên có khả năng “đọc dữ liệu như đọc luật”, họ mới thực sự trở thành chủ thể pháp lý số, có năng lực thích ứng, đổi mới và hành nghề hiệu quả trong kỷ nguyên số.

4.2.5. Yêu cầu đổi mới đội ngũ giảng viên

Để khắc phục những hạn chế về đội ngũ giảng viên, các cơ sở đào tạo luật cần xác lập một khung năng lực giảng viên luật thời đại số với ba nhóm yêu cầu trọng tâm. *Một là*, giảng viên phải đạt thành thạo năng lực sư phạm số theo chuẩn DigCompEdu của EU, gồm thiết kế học liệu mở, đánh giá bằng công nghệ, quản trị không gian lớp học số và hỗ trợ người học qua nền tảng số (NAUE, 2024). Năng lực này cho phép giảng viên không chỉ chuyển đổi bài giảng truyền thống sang bài giảng số, mà còn hình thành mô hình học tập cá thể hóa, tương tác đa chiều và phân tích tiến trình học tập bằng dữ liệu. *Hai là*, giảng viên luật cần nắm chắc các công cụ nghề luật số, phần mềm quản lý hồ sơ, hệ thống tòa án điện tử, nền tảng ODR, công nghệ soạn thảo văn bản tự động, phân tích án lệ bằng AI, pháp lý blockchain, dữ liệu mở và an ninh - quyền riêng tư. Thực tế cho thấy, nhiều trường đại học tại Việt Nam đã bắt đầu định hình khung năng lực số cho giảng viên, tiêu biểu như Trường Đại học Kinh tế Nghệ An với chương trình nâng cao năng lực số cho giảng viên gắn với thiết kế học liệu số và công cụ AI hỗ trợ giảng dạy (NAUE, 2024). Điều này cho thấy xu hướng bồi dưỡng năng lực số đã trở thành nhu cầu hệ thống, không còn là lựa chọn riêng lẻ. *Ba là*, giảng viên cần phát triển tư duy nghiên cứu dựa trên dữ liệu, một năng lực quan trọng trong bối cảnh pháp luật vận hành ngày càng dựa trên dữ liệu và công nghệ. Các nghiên cứu

quốc tế đã khẳng định rằng năng lực phân tích dữ liệu pháp lý, dự báo xu hướng pháp luật và ứng dụng công nghệ trong so sánh pháp luật là yêu cầu bắt buộc đối với giảng viên trong giai đoạn chuyển đổi số (VJST, 2025). Ở Việt Nam, nhiều hội thảo khoa học gần đây cũng chỉ ra tầm quan trọng của việc đào tạo giảng viên thích ứng với môi trường số và mô hình dạy - học trực tuyến ngành luật.

Bên cạnh đó, cần triển khai mạnh mẽ mô hình đồng giảng giữa giảng viên am hiểu công nghệ và giảng viên có chiều sâu pháp lý để tạo sự bổ sung lẫn nhau. Đồng thời, cần hình thành cộng đồng học thuật số, nơi giảng viên được tiếp cận học liệu mở, thư viện số, phòng xử án ảo, công cụ AI nghiên cứu và môi trường chia sẻ kinh nghiệm. Khi giảng viên trở thành lực lượng tiên phong, vừa vững pháp lý, vừa thành thạo công nghệ, vừa có tinh thần học tập suốt đời, chuyển đổi số trong giáo dục luật mới có thể diễn ra thực chất và bền vững.

4.3. Thảo luận

Trên nền kết quả đã xác lập, quá trình cải cách chương trình đào tạo luật cần được tiếp cận như một cuộc đổi mới hệ thống. Trước hết, chương trình phải được thiết kế theo mô hình tích hợp - liên thông, kết nối Luật Dân sự, Luật Thương mại, CNTT, An ninh mạng, Sở hữu trí tuệ và Quản trị dữ liệu thành một hệ sinh thái kiến thức thống nhất. Hợp đồng điện tử được giảng dạy song hành với chứng cứ dữ liệu, bảo mật thông tin và trách nhiệm của nền tảng; tài sản số gắn với cơ chế xác lập, chuyển giao, định danh và giải quyết tranh chấp trên công nghệ chuỗi khối.

Bên cạnh đó, đào tạo luật cần chuyển từ “học để biết luật” sang “học để giải quyết vấn đề pháp lý số”. Người học

cần thực hành tình huống thực tiễn như giao kết hợp đồng điện tử xuyên biên giới, xử lý tranh chấp tài sản số, phân tích rủi ro công nghệ và đánh giá tính hợp pháp của thuật toán. Ngoài ra, để tạo sức mạnh cộng hưởng, mạng lưới “Đại học Luật số Việt Nam” cần được hình thành nhằm chia sẻ dữ liệu học thuật, thư viện mô phỏng, legal lab và chuẩn năng lực pháp lý số thống nhất.

Cuối cùng, mục tiêu của cải cách không chỉ là nâng cấp kiến thức công nghệ, mà là tái định vị năng lực luật gia của kỷ nguyên dữ liệu: am hiểu công nghệ, đọc, kiểm chứng thuật toán, xử lý chứng cứ dữ liệu và tham gia kiến tạo khuôn khổ pháp lý tương lai.

V. Kết luận

Công cuộc đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên số đã trở thành yêu cầu mang tính tất yếu khi sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain và các nền tảng số đang làm thay đổi căn bản nhận thức về pháp luật, nghề luật và hoạt động tư pháp. Nếu chậm thích ứng, giáo dục pháp luật có nguy cơ tụt lại trong khả năng kiến tạo công bằng và minh bạch; ngược lại, chủ động chuyển đổi sẽ mở ra cơ hội đưa Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới pháp lý số của khu vực, đào tạo đội ngũ luật gia có tư duy toàn cầu và năng lực số đáp ứng chuẩn mực mới của nền công lý hiện đại (Nguyễn, 2024; Phạm, 2025).

Yêu cầu này đặt ra sự chuyển dịch căn bản trong tư duy phát triển: từ truyền thụ sang kiến tạo, từ tiếp cận tuyến tính sang đổi mới sáng tạo, và từ mô hình đào tạo truyền thống sang mô hình tích hợp tri thức pháp luật - công nghệ - giá trị nhân văn (MEAT&MJ, 2022). Trên nền tảng đó, có thể xác định các giải pháp trọng

tâm, và điều này chỉ có giá trị thực chất khi được vận hành bằng quyết tâm đổi mới và tầm nhìn chiến lược của đội ngũ lãnh đạo, giảng viên và nhà nghiên cứu pháp luật. Đổi mới đào tạo luật không chỉ nhằm nâng cấp chương trình, mà còn định hình tương lai của nghề luật trong bối cảnh số hóa toàn diện. Đây là thời điểm bản lề để giáo dục pháp luật Việt Nam khẳng định vai trò trụ cột trí tuệ, đạo đức, công nghệ, góp phần xây dựng nền pháp quyền hiện đại, nhân văn và thịnh vượng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. ASEAN Law Association. (2021). *Mutual recognition arrangements on legal profession in ASEAN*.
- [2]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
- [3]. Bassan, F. (2024). From smart legal contracts to contracts on blockchain. *Computer Law & Security Review*.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo & Bộ Tư pháp. (2022). *Chiến lược phát triển giáo dục luật giai đoạn 2021-2030*.
- [5]. Bộ Tư pháp. (2022). *Đề án Phát triển nhân lực số ngành Tư pháp giai đoạn 2021-2030*.
- [6]. European Commission. (2017). *European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu*.
- [7]. European Journal of Legal Education. (2022). Digital transformation of legal education: Skills for the future legal academy. *European Journal of Legal Education*.
- [8]. Giuffrida, I. (2018). How artificial intelligence, the internet of things, smart contracts, and other technologies will impact the law. *William & Mary Law Review*, 59(3).
- [9]. Lê, T. T. (2023). *Năng lực số của giảng viên luật và tác động tới đổi mới giáo dục pháp luật*. *Tạp chí Nghiên cứu Luật học*.
- [10]. LSVN. (2025, tháng 5). Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam: Những khoảng trống và hướng hoàn thiện. *Tạp chí Luật sư Việt Nam*.
- [11]. Martinez, R., & Yusuf, H. (2025). Smart contracts and legal enforceability: Decoding the ‘code as law’ paradigm. *Journal of International Socio-Legal Practice*, 292-303.
- [12]. Nguyễn, Đ. T. (2024). Giải pháp đào tạo ngành Luật trong thời đại công nghệ số [Tham luận hội thảo]. *Học viện Phụ nữ Việt Nam*.
- [13]. Nguyễn, T. H. (2024). Đổi mới chương trình đào tạo luật trước thách thức chuyển đổi số. *Tạp chí Giáo dục và Pháp luật*.
- [14]. OECD. (2022). *Higher education in the digital age: Data-driven university management*. OECD Publishing.
- [15]. OECD. (2023a). *Digital education policy outlook*. OECD Publishing.
- [16]. OECD. (2023b). *AI and the future of law education*. OECD Publishing.
- [17]. Phạm, M. T. (2025a). Phiên tòa mô phỏng trực tuyến và thực hành nghề luật số. *Tạp chí Luật học Việt Nam*, (3).
- [18]. Phạm, M. T. (2025b). Legal Data Analytics và tư duy lượng tử trong đào tạo luật. *Tạp chí Luật học Việt Nam*, (4).
- [19]. Quốc hội. (2005). *Luật Giao dịch điện tử* (Số 51/2005/QH11).
- [20]. Quốc hội. (2015). *Luật An toàn thông tin mạng* (Số 86/2015/QH13).
- [21]. Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục* (Số 43/2019/QH14).
- [22]. Singapore Management University. (2023). *Law & technology integration program*.
- [23]. Stanford Law School. (2024). *LegalTech & AI curriculum overview*.
- [24]. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An. (2024). *Nâng cao năng lực số cho giảng viên tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An*.

REQUIREMENTS FOR INNOVATING LEGAL EDUCATION AT VIETNAMESE LAW TRAINING INSTITUTIONS IN THE DIGITAL ERA

*Vu Thi Hong Van*¹

Abstract: *The rapid development of digital technologies-particularly artificial intelligence (AI), big data, blockchain, and electronic transaction platforms-is fundamentally transforming the operation of legal systems and simultaneously imposing new demands on the training of legal professionals. In Vietnam, undergraduate legal education faces an urgent need for transformation to ensure international integration capacity and meet the requirements of the digital environment and the emerging digital economy. This paper analyzes the impacts of the digital era on legal education; reviews current achievements and limitations; and proposes five major reform requirements: (i) renewing educational philosophy toward digital competence and interdisciplinary thinking; (ii) restructuring curricula and integrating modules on technology law, data governance, and digital ethics; (iii) innovating teaching methodologies through experiential learning, digital simulation, and AI applications; (iv) enhancing digital legal practice skills through partnerships with LegalTech enterprises and electronic judicial institutions; and (v) advancing reforms for the law teaching workforce. These requirements aim to contribute to building a modern model of legal education aligned with the national digital transformation strategy and capable of developing a high-quality legal workforce.*

Keywords: *legal education, digital transformation, digital law, artificial intelligence, LegalTech, legal skills, judicial simulation, curriculum development*

¹ Thu Dau Mot University, Ho Chi Minh City